CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN HÀ NỘI
**BCĐ XÁC NHẬN KIẾN THỨC ATTP**
**NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2019*

# THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÁC NHẬN KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM NGÀY 11/10/2019

| STT | Họ và tên | Nam/Nữ | Số CMND | | | Điểm XNKT | | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số CMND | Ngày, tháng, năm cấp | Nơi cấp | KT chung | KT chuyên ngành | |
| **I** | **Savor Trung Hòa - Công ty TNHH Savor Việt Nam<br>Số 23 ngõ 71 đường Nguyễn Thị Định, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội** | | | | | | | |
| 1 | Trần Phương Anh | Nữ | 013549349 | 09/5/2012 | CA. TP Hà Nội | 20/20 | 9/10 | Đạt |
| **II** | **Công ty TNHH thực phẩm an toàn Việt Thanh<br>2/3 căn hộ 388 nhà C8 tập thể Tân Mai, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội** | | | | | | | |
| 2 | Nguyễn Duy Thanh | Nam | 001090000851 | 08/3/2018 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 18/20 | 8/10 | Đạt |
| 3 | Mai Thị Hồng Vân | Nữ | 031159002920 | 22/5/2019 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 16/20 | 8/10 | Đạt |
| 4 | Ninh Việt Anh | Nam | 013380466 | 15/01/2011 | CA. TP Hà Nội | 18/20 | 8/10 | Đạt |
| **III** | **Công ty cổ phần thực phẩm và công nghệ chế biến chuẩn quốc tế Mucho<br>Số 7 phố Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội** | | | | | | | |
| 5 | Hoàng Thị Ngọc Lan | Nữ | 006183000039 | 03/3/2017 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 19/20 | 9/10 | Đạt |
| 6 | Ngô Văn Đức | Nam | 163086432 | 27/8/2013 | CA. Tỉnh Nam Định | | | Bỏ thi |
| 7 | Cao Thị Mai | Nữ | 013661638 | 04/10/2013 | CA. TP Hà Nội | 19/20 | 10/10 | Đạt |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Nguyễn Thị Trang | Nữ | 036187001086 | 02/02/2016 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 20/20 | 10/10 | Đạt |
| 9 | Nguyễn Thị Thu Hương | Nữ | 011742157 | 20/02/2011 | CA. TP Hà Nội | | | Bỏ thi |
| 10 | Chu Văn Tuấn | Nam | 001063014139 | 14/3/2018 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 18/20 | 10/10 | Đạt |
| **IV** | **Công ty cổ phần thương mại và đầu tư K.L.E.V.E<br>Lô2 CN5 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội** | | | | | | | |
| 11 | Nguyễn Huy Sơn | Nam | 174655631 | 24/5/2013 | CA. Tỉnh Thanh Hóa | 19/20 | 10/10 | Đạt |
| 12 | Nguyễn Thị Hồng Loan | Nữ | 013604432 | 25/02/2009 | CA. TP Hà Nội | 17/20 | 10/10 | Đạt |
| 13 | Lê Thị Hằng | Nữ | 122256400 | 23/5/2014 | CA. Tỉnh Bắc Giang | 20/20 | 10/10 | Đạt |
| 14 | Bạch Thu Tâm | Nữ | 013437812 | 21/7/2011 | CA. TP Hà Nội | 20/20 | 10/10 | Đạt |
| 15 | Lương Thu Hoài | Nữ | 082340493 | 13/8/2015 | CA. Tỉnh Lạng Sơn | 18/20 | 9/10 | Đạt |
| 16 | Vũ Thị Giang | Nữ | 125786228 | 13/7/2015 | CA. Tỉnh Bắc Ninh | 20/20 | 10/10 | Đạt |
| 17 | Nguyễn Mạnh Cường | Nam | 040829683 | 09/10/2015 | CA. Tỉnh Điện Biên | | | Bỏ thi |
| 18 | Đào Thu Hà | Nữ | 142771834 | 16/9/2010 | CA. Tỉnh Hải Dương | 20/20 | 10/10 | Đạt |
| 19 | Hồ Đức Anh | Nam | 013276380 | 24/3/2010 | CA. TP Hà Nội | 20/20 | 10/10 | Đạt |
| 20 | Lương Thị Vân Anh | Nữ | 001300026920 | 19/6/2017 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | | | Bỏ thi |
| 21 | Nguyễn Như Huyền | Nữ | 001194004006 | 19/10/2015 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 20/20 | 9/10 | Đạt |
| 22 | Bùi Thị Vân Anh | Nữ | 061028355 | 22/5/2012 | CA. Tỉnh Yên Bái | 19/20 | 7/10 | Không đạt |
| 23 | Nguyễn Thị Kim Thoa | Nữ | 152165255 | 07/3/2012 | CA. Tỉnh Thái Bình | 19/20 | 7/10 | Không đạt |
| 24 | Nguyễn Đức Quang | Nam | 162261221 | 16/02/2014 | CA. Tỉnh Thái Bình | 17/20 | 9/10 | Đạt |
| 25 | Khiếu Quang Minh | Nam | 017497592 | 22/02/2014 | CA. TP Hà Nội | 20/20 | 10/10 | Đạt |
| 26 | Nguyễn Thị Hải Yến | Nữ | 035195001414 | 19/4/2018 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 20/20 | 10/10 | Đạt |
| 27 | Trịnh Thị Thủy | Nữ | 113650828 | 08/01/2019 | CA. Tỉnh Hòa Bình | 19/20 | 8/10 | Đạt |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 28 | Nguyễn Thị Trung Anh | Nữ | 163374465 | 25/3/2013 | CA. Tỉnh Nam Định | 19/20 | 8/10 | Đạt |
| 29 | Phạm Văn Mạnh | Nam | 036096000659 | 27/6/2019 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội | 20/20 | 10/10 | Đạt |
| 30 | Trịnh Thị Lan Anh | Nữ | 174658404 | 15/12/2013 | CA. Tỉnh Thanh Hóa | 18/20 | 8/10 | Đạt |
| 31 | Nguyễn Nhật Hà | Nữ | 001197016196 | 27/7/2018 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 19/20 | 8/10 | Đạt |
| 32 | Nguyễn Hoàng Mỹ | Nữ | 168529182 | 07/02/2012 | CA. Tỉnh Hà Nam | | | Bỏ thi |
| 33 | Trần Thị Khánh | Nữ | 142863999 | 24/8/2013 | CA. Tỉnh Hải Dương | | | Bỏ thi |
| 34 | Nguyễn Thùy Trang | Nữ | 013675759 | 14/02/2014 | CA. TP Hà Nội | | | Bỏ thi |
| 35 | Lê Thu Thanh | Nữ | 038199040395 | 24/01/2017 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 16/20 | 8/10 | Đạt |
| 36 | Nguyễn Thị Duyên | Nữ | 034198000800 | 19/8/2015 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 20/20 | 10/10 | Đạt |
| **V** | **Công ty TNHH phát triển thương mại và dịch vụ Thanh Long**<br>**Số 39 Hàm Tử Quan, phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội** | | | | | | | |
| 37 | Nguyễn Thị Kim Dung | Nữ | 001180007420 | 04/8/2018 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 19/20 | 10/10 | Đạt |
| 38 | Mai Thúy Hà | Nữ | 001181025316 | 01/4/2019 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 20/20 | 10/10 | Đạt |
| 39 | Võ Thị Thời | Nữ | 042186000843 | 08/8/2018 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 18/20 | 8/10 | Đạt |
| 40 | Vũ Quỳnh Châu | Nữ | 013433248 | 27/5/2011 | CA. TP Hà Nội | 18/20 | 8/10 | Đạt |
| **VI** | **Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu MinoFoods**<br>**LK544-DV14, Khu DV Đìa Lão, Mậu Lương, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội** | | | | | | | |
| 41 | Chu Thị Hồng Tuyết | Nữ | 017502786 | 24/12/2013 | CA. TP Hà Nội | 20/20 | 10/10 | Đạt |
| 42 | Trần Hữu Quân | Nam | 022084000020 | 29/8/2013 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 20/20 | 10/10 | Đạt |
| 43 | Nguyễn Thị Khánh | Nữ | 168287863 | 20/7/2006 | CA. Tỉnh Hà Nam | 20/20 | 10/10 | Đạt |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 44 | Nguyễn Thị Thu | Nữ | 187534349 | 16/9/2018 | CA. Tỉnh Nghệ An | 12/20 | 6/10 | Không đạt |
| **VII** | **Chi nhánh công ty cổ phần Ong Trung Ương - Xí nghệp vật tư chế biến xuất khẩu I<br>Số 19, phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội** | | | | | | | |
| 45 | Nguyễn Thị Thêm | Nữ | 111474316 | 04/6/2013 | CA. TP Hà Nội | | | Bỏ thi |
| 46 | Vũ Thị Phương Thảo | Nữ | 142570144 | 10/5/2007 | CA. Tỉnh Hải Dương | 20/20 | 9/10 | Đạt |
| 47 | Lê Thị Hường | Nữ | 038168000070 | 18/9/2015 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 15/20 | 10/10 | Không đạt |
| 48 | Nguyễn Hữu Tuấn | Nam | 111114992 | 09/8/2011 | CA. TP Hà Nội | 20/20 | 7/10 | Không đạt |
| 49 | Phạm Thị Thanh Nhàn | Nữ | 037172000070 | 19/10/2015 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | 5/20 | 5/10 | Không đạt |
| **VIII** | **Công ty TNHH YASAIYA Việt Nam<br>Xóm Đỉnh Ngàn, thôn Trung Cao, xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội** | | | | | | | |
| 50 | Nguyễn Văn Cường | Nam | 017500449 | 11/9/2013 | CA. TP Hà Nội | | | Bỏ thi |
| 51 | Nguyễn Văn Thăng | Nam | 017536008 | 12/02/2014 | CA. TP Hà Nội | | | Bỏ thi |
| 52 | Nguyễn Văn Biển | Nam | 001089018053 | 29/8/2017 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | | | Bỏ thi |
| 53 | Nguyễn Chí Trọng | Nam | 001089015049 | 17/02/2017 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | | | Bỏ thi |

**Tổng hợp**: 53 người đăng ký tham gia XNKT, Trong đó:
41 người tham gia; 12 người bỏ thi; 35 người đạt, 06 người không đạt.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**Đặng Thị Phương Loan**

**TRƯỞNG PHÒNG QLCL**

**Lê Đình Khản**

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG**
**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN HÀ NỘI

**Ngô Đình Loát**